**Kịch bản use case của “Quản Lý Thức Ăn”**

**Kịch bản của use case chính**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-Case** | | **Nội Dung** |
| **Tên Use-Case** | | **Quản lý Thức Ăn** |
| **Mô Tả** | | Cho phép quản lý thực hiện chức năng quản lý thông tin của thức ăn trong cửa hang đồ ăn nhanh |
| **Actor** | | **Quản Lý Thức Ăn** |
| **Điều Kiện Kích Hoạt** | | Đăng nhập vào hệ thống. |
| **Tiền Điều Kiện** | | Chủ quản lý yêu cầu chức năng Quản Lý **Thức Ăn.** |
| **Hậu Điền Kiện** | **Thành Công** | Nếu thành công, thông tin **Thức Ăn** sẽ được Liệt Kê, Thêm, Xóa, Sửa từ Hệ Thống. |
| **Lỗi** | Nếu không thành công, trạng thái hệ thống không bị thay đổi |
| **Luồng Sự Kiện Chính** | | 1.Hiển thị bảng thông tin về thông tin thức ăn trong đó:  Thêm  Sửa  Xóa  Thoát.  **Quản Lý Thức Ăn** chọn chức năng “Liệt kê danh sách thức ăn” thì chức năng này sẽ được thực thi.  **Quản Lý Thức Ăn** chọn chức năng “Thoát” khi không muốn thực hiện chức năng “Liệt kê danh sách thức ăn”. |
| **Luồng Sự Kiện Phụ** | |  |

**Kịch bản Use case “Liệt kê danh sách thức ăn”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-Case** | | **Nội Dung** |
| **Tên Use-Case** | | **Liệt kê danh sách thức ăn** |
| **Mô Tả** | | Cho phép Quản Lý và Nhân viên có thể xem các info thức ăn của cửa hàng dưới dạng bảng. |
| **Actor** | | **Quản Lý Thức Ăn** |
| **Điều Kiện Kích Hoạt** | | **Quản Lý Thức Ăn** yêu cầu chức năng “Liệt Kê Danh Sách **Thức Ăn**”. |
| **Tiền Điều Kiện** | | **Quản Lý Thức Ăn** chọn chức năng “Liệt Kê Danh Sách **Thức Ăn**”. |
| **Hậu Điền Kiện** | **Thành Công** | Nếu thành công, màn hình hiển thị bảng thông tin **Thức Ăn**. |
| **Lỗi** | Nếu không thành công, trạng thái thông tin không thay đổi. |
| **Hành Động Tác Nhân** | | **Phản Ứng Hệ Thống** |
| 1.Nhấn chức năng “Tra Cứu Thông Tin **Thức Ăn**”.  2.**Quản Lý Thức Ăn** chọn 1 trong 3 chức năng trên. | | 1.Hệ thống sẽ hiển thị bảng danh sách các **Thức Ăn** kèm theo các thông tin như:  Mã thức ăn  Tên thức ăn  Gía thức ăn  Khuyến mãi,giảm giá  Kèm theo 3 chức năng:   1. Thêm **Thức Ăn** mới. 2. Sửa thông tin **Thức Ăn** 3. Xóa **Thức Ăn**.   2.1 trong 3 chức năng trên sẽ được thực thi. |
| **Ngoại lệ** | | Liệt kê không thành công khi: **Quản Lý Thức Ăn** ấn nút “Thoát”. |

**Kịch bản Use case “Thêm Thức Ăn mới”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-Case** | | **Nội Dung** |
| **Tên Use-Case** | | **Thêm Thức Ăn Mới** |
| **Mô Tả** | | Cho phép **Quản Lý** thêm **Thức Ăn** mới vào hệ thống. |
| **Actor** | | **Quản Lý Thức Ăn** |
| **Điều Kiện Kích Hoạt** | | **Quản Lý Thức Ăn** yêu cầu chức năng “Thêm **Thức Ăn** Mới”. |
| **Tiền Điều Kiện** | | **Quản Lý Thức Ăn** chọn chức năng “Thêm **Thức Ăn** Mới”. |
| **Hậu Điền Kiện** | **Thành Công** | Nếu thành công, màn hình hiển thị “Thông báo **Thức Ăn** mới đã được thêm vào hệ thống”. |
| **Lỗi** | Nếu không thành công, trạng thái thông tin không thay đổi và màn hình hiển thị “Quá trình không thành công, hãy thử lại”. |
| **Hành Động Tác Nhân** | | **Phản Ứng Hệ Thống** |
| 1.Nhấn chức năng “Thêm **Thức Ăn** mới”.  2. **Quản Lý** nhập thông tin **Thức Ăn** vào bảng thông tin.  3. **Quản Lý** xác nhận. | | 1.Hệ thống hiển thị bảng thông tin cần nhập cho **Thức Ăn** gồm:  Mã thức ăn  Tên thức ăn  Gía thức ăn  Khuyến mãi,giảm giá  2.Hệ thống hiển thị thông báo “**Thức Ăn** mới đã được thêm thành công”. |
| **Ngoại lệ** | | Liệt kê không thành công khi: **Quản Lý** hủy thao tác. |

**Kịch bản của Use case “Cập nhật thông tin Thức Ăn”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-Case** | | **Nội Dung** |
| **Tên Use-Case** | | Cập Nhật Thông Tin **Thức Ăn** |
| **Mô Tả** | | Cho phép Quản Lý cập nhật lại thông tin của **Thức Ăn** |
| **Actor** | | **Quản Lý Thức Ăn** |
| **Điều Kiện Kích Hoạt** | | **Quản Lý** yêu cầu chức năng “Cập Nhật Thông Tin **Thức Ăn**”. |
| **Tiền Điều Kiện** | | **Quản Lý** chọn chức năng “Cập Nhật Thông Tin **Thức Ăn**”. |
| **Hậu Điền Kiện** | **Thành Công** | Nếu thành công, màn hình hiển thị “Quá trình cập nhật đã hoàn tất”. |
| **Lỗi** | Nếu không thành công, trạng thái thông tin không thay đổi và màn hình hiển thị “Quá trình cập nhật thất bại, hãy thử lại”. |
| **Hành Động Tác Nhân** | | **Phản Ứng Hệ Thống** |
| 1.Nhấn chức năng “Cập Nhật Thông Tin **Thức Ăn**”.  2. **Quản Lý** chỉnh sửa lại các thông tin cần chỉnh sửa.  3.Quản Lý xác nhận. | | 1.Hệ thống tìm và hiển thị thông tin của **Thức Ăn**:  Mã thức ăn  Tên thức ăn  Gía thức ăn  Khuyến mãi,giảm giá  3.Hệ thống nhắc **Quản Lý** xác nhận việc cập nhật lại thông tin của **Thức Ăn** đó.  4.Hệ thống hiển thị thông báo “Quá trình cập nhật đã hoàn tất”. |
| **Ngoại lệ** | | Liệt kê không thành công khi: **Quản Lý Thức Ăn** hủy thao tác. |

**Kịch bản Use case “Xóa Thức Ăn”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-Case** | | **Nội Dung** |
| **Tên Use-Case** | | Xóa **Thức Ăn** |
| **Mô Tả** | | Cho phép Quản Lý xóa **Thức Ăn** ra khỏi hệ thống. |
| **Actor** | | **Quản Lý Thức Ăn** |
| **Điều Kiện Kích Hoạt** | | **Quản Lý** yêu cầu chức năng “Xóa **Thức Ăn**”. |
| **Tiền Điều Kiện** | | **Quản Lý** chọn chức năng “Xóa **Thức Ăn**”. |
| **Hậu Điền Kiện** | **Thành Công** | Nếu thành công, màn hình hiển thị “**Thức Ăn** đã bị xóa”. |
| **Lỗi** | Nếu không thành công, trạng thái thông tin không thay đổi và màn hình hiển thị “Quá trình thất bại, hãy thử lại”. |
| **Hành Động Tác Nhân** | | **Phản Ứng Hệ Thống** |
| 1.Nhấn chức năng “Xóa **Thức Ăn** mới”.  3. **Quản Lý** ấn “Hủy bỏ thao tác”.  4. **Quản Lý** ấn “Xóa”  5. **Quản Lý** xác nhận. | | 1.Hệ thống tìm và hiển thị thông tin **Thức Ăn** và đưa ra 2 lựa chọn: “Xóa” và “Hủy bỏ thao tác”.  3.Hệ thống quay lại bước 1.  4.Hệ thống nhắc **Quản Lý** xác nhận việc xóa **Thức Ăn** đó.  5.Hệ thống tiến hành xóa **Thức Ăn** đó và thông báo “Quá trình xóa đã hoàn tất”. |
| **Ngoại lệ** | | Liệt kê không thành công khi: **Quản Lý** hủy thao tác. |